TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

Bản án số: 12/2023/DS-ST
Ngày: 05/4/2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ,TỈNH ĐIỆN BIÊN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Văn Định**

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Bà **Lò Thị Hiền.**

2. Bà **Mùa Thị Hà.**

- ***Thư ký phiên toà***: Bà **Nguyễn Thu Hương**- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2022/TLST-DS ngày 14/10/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2023/QĐST-DS ngày 16/3/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Đào Văn T**, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Ông T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Ông **Bùi Hữu C**; địa chỉ: Số nhà A, tổ dân phố A, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Ông C vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/10/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đào Văn T trình bày:

Vào tháng 10/2018, ông Đào Văn T có cho ông Bùi Hữu C vay số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng. Khi đến hạn trả nợ, ông C đã không thanh toán được khoản tiền trên cho ông T. Ông T đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng ông C đều khất lần không trả. Đến ngày 30/12/2019, ông C đã viết Giấy nhận nợ số tiền trên và cam kết đến ngày 01/01/2020, trả cho ông T 15.000.000 đồng, số tiền còn lại trả nốt vào ngày 14/01/2020. Khi viết giấy nhận nợ, hai bên không

thỏa thuận lãi suất vay. Cho đến nay, đã quá hạn trả nợ mà ông C đã cam kết, ông T cũng đã nhiều lần yêu cầu thanh toán, nhưng ông C vẫn không trả số tiền trên. Do vậy, ông T khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C trả cho ông số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi do chậm trả số tiền trên tính từ ngày vay đến ngày khởi kiện là 10.000.000 đồng.Tổng cả gốc và lãi là 40.000.000 đồng.

Ngoài ra, ông T không còn yêu cầu nào khác.

Tại bản tự khai đề ngày 24/11/2022 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Bùi Hữu C trình bày:

Vào tháng 10/2018, ông có vay của ông T số tiền là 30.000.000 đồng. Do không trả được nợ, nên ngày 30/12/2019, ông có viết Giấy nhận nợ và cam kết với ông T, đến ngày 01/01/2020, trả trước cho ông T 15.000.000 đồng, số tiền còn lại trả nốt vào ngày 14/01/2020.

Do có khó khăn trong việc làm ăn, nên ông chưa trả hết số tiền nợ gốc cho ông T, mặc dù ông T đã yêu cầu ông thanh toán nhiều lần. Trong thời gian vay nợ, ông đã trả cho ông T tổng số tiền 32.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại 8.000.000 đồng tiền gốc. Nay ông T khởi kiện yêu cầu đòi ông số tiền gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi do chậm trả, ông chỉ đồng ý trả cho ông T 8.000.000 đồng tiền gốc còn nợ lại. Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế gặp khó khăn nên ông đề nghị ông T ra hạn trả nợ cho ông.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn ông T trình bày:

Ông T không rút yêu cầu khởi kiện, ông đề nghị Tòa án buộc ông C trả cho ông số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng và số tiền lãi chậm trả đối với số tiền nợ gốc, tính ngày 01/10/2018 đến ngày ngày 05/4/2023 (Ngày xét xử sơ thẩm), với mức lãi suất là 10%/năm, cụ thể:

30.000.000 đồng x 10%/nămx 4 năm = 12.000.000 đồng

30.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 6 tháng = 1.494.000 đồng.

30.000.000 đồng x 0,027%/ngày x 4 ngày = 32.400 đồng.

Tổng tiền nợ gốc và tiền lãi là 43.526.400 đồng.

Bị đơn ông Bùi Hữu C vắng mặt tại phiên tòa: Ông C không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông T tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

*Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:*Ngày10/10/2022, ông Đào Văn T nộp đơn khởi kiện vụ án "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" tại Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đối với ông Bùi Hữu C, có địa chỉ

tại Tổ dân phố A, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Sau khi ông T nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí, ngày 14/10/2022, Tòa án đã thụ lý vụ án theo Điều 195 Bộ luật Tố tụng Dân sự (Sau đây ghi tắt là BLTTDS năm 2015).

Về thẩm quyền giải quyết, mối quan hệ pháp luật phải giải quyết và thời hiệu khởi kiện và các vấn đề khác:

Quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" thụ lý giữa ông T và ông C; ông C có địa chỉ tại Tổ dân phố A, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015.

Thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu đòi số tiền gốc và tiền lãi 10%/năm trên số tiền nợ gốc của nguyên đơn theo Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015 (sau đây viết tắt là BLDS năm 2015).

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã ra văn bản thông báo, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của BLTTDS năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp thì vào tháng 10/2018, ông T có cho ông C vay số tiền gốc là 30.000.000 đồng. Khi đến hạn trả nợ, ông C không thanh toán khoản tiền trên cho ông T, nên ngày 30/12/2019, ông C đã viết Giấy nhận nợ và cam kết với nội dung:

Ông C xin nhận nợ số tiền 30.000.000 đồng vay của ông T vào tháng 10/2018 chưa trả. Ông C cam kết với ông T ngày 01/01/2020, trả 15.000.000 đồng, số tiền còn lại trả nốt vào ngày 14/01/2020. Giấy nhận nợ và cam kết của ông C có hiệu lực pháp luật, bởi lẽ: Khi ký kết giấy nhận nợ và cam kết, ông C có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự; ký giấy nhận nợ và cam kết tự nguyện; đúng mục đích và nội dung giấy nhận nợ, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình giải quyết vụ án có đủ cơ sở xác định:Tháng 10/2018, ông C có vay của ông T số tiền gốc 30.000.000 đồng. Khi đến hạn trả nợ, ông C đã không thanh toán được khoản tiền trên nên ngày 30/12/2019, ông C viết Giấy nhận nợ đối với số tiền trên và cam kết đến ngày 01/01/2020, trả 15.000.000 đồng, số còn lại trả hết vào ngày 14/01/2020; không có lãi suất vay. Quá thời hạn thỏa thuận theo giấy nhận nợ & cam kết, ông C không thanh toán số tiền còn nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 385, 398, 399, 400, 401, 429 của BLDS năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn

về số tiền gốc, cụ thể: Buộc ông Bùi Hữu C có nghĩa vụ trả cho ông Đào Văn T tiền nợ gốc đã vay là 30.000.000 đồng *(Ba mươi triệu đồng)*.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông C cho rằng, trong thời gian vay nợ, ông C đã trả cho ông T số tiền 32.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại 8.000.000 đồng tiền gốc, nhưng ông C không có tài liệu, chứng cứ gì về việc này, nên có căn cứ chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của ông T đối với số tiền 30.000.000 đồng tại giấy nhận nợ và cam kết ký ngày 30/12/2019 mà ông T giao nộp tại Tòa án theo Điều 166 của BLDS năm 2015.

Ngoài ra, ông T còn yêu cầu ông C trả khoản tiền lãi của số tiền 30.000.000 đồng với mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 01/10/2018 (Ngày vay) đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 05/4/2023, cụ thể:

30.000.000 đồng x 10%/năm x 4 năm = 12.000.000 đồng

30.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 6 tháng = 1.494.000 đồng.

30.000.000 đồng x 0,027%/ngày x 4 ngày = 32.400 đồng.

Tổng số tiền lãi là 13.526.400 đồng *(Mười ba triệu, năm trăm hai mươi sáu nghìn, bốn trăm đồng).*

Tại Điều 357 BLDS năm 2015 quy định:

"1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này."

Tại khoản 4 Điều 466 BLDS năm 2015 quy định:

"...4. *Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác".*

Giấy nhận nợ khoản tiền gốc 30.000.000 đồng ngày 30/12/2019, không có lãi suất vay. Do ông C chậm trả khoản tiền gốc cho ông T nên yêu cầu này của ông T là có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1, 2 Điều 357 và Điều 468 của BLDS năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về khoản tiền lãi do chậm trả đối với ông C, cụ thể: Buộc ông C có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền lãi do chậm trả số tiền 30.000.000 đồng tính từ ngày 01/10/2018 đến ngày 05/4/2023 là 13.526.400 đồng *(Mười ba triệu, năm trăm hai mươi sáu nghìn, bốn trăm đồng).*

Về án phí, chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số

tiền phải trả theo quy định của pháp luật, cụ thể 43.526.400 đồngx 5% = 2.176.320 đồng*(Hai triệu, một trăm bẩy mươi sáu nghìn, ba trăm hai mươi đồng).*

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 244; 271, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Khoản 1, 2 Điều 357, Điều 385, 398, 399, 400, 401, 429Điều 463, khoản 1, 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 147của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn T, cụ thể:

Buộc ông Bùi Hữu C có nghĩa vụ trả cho ông Đào Văn T số tiền 43.526.400 đồng (Bốn mươi ba triệu, năm trăm hai mươi sáu nghìn, bốn trăm đồng), trong đó: Tiền nợ gốc đã vay là 30.000.000 đồng *(Ba mươi triệu đồng);* T1 lãi là 2.176.320 đồng *(Hai triệu, một trăm bẩy mươi sáu nghìn, ba trăm hai mươi đồng).*

Nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông T cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả, hàng tháng ông C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí, chi phí tố tụng khác:

- Án phí: Ông Bùi Hữu C phải chịu 2.176.320 đồng*(Hai triệu, một trăm bẩy mươi sáu nghìn, ba trăm hai mươi đồng)* án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Ông Đào Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại ông T 1.000.000 đồng (Một triệu đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002038 ngày 14/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Định